

Số: 934 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-HĐT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Công nghệ thực phẩm tại Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 139 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 03 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K56 2014 – 2018	K57 2015-2019	K59 2017-2021	K60 2018 – 2022	K61 2019-2023	Cộng
1	Công nghệ chế biến thủy sản	-	-	02	28	-	30
2	Công nghệ kỹ thuật hóa học	-	01	03	09	-	13
3	Công nghệ thực phẩm	01	-	01	93	01	96

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K59 2017-2020	K60 2018 – 2021	Cộng
1	Công nghệ thực phẩm	01	02	03

Điều 2. Trưởng phòng liên quan, Khoa Công nghệ thực phẩm và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Trưởng phòng*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Pí Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2022
Theo Quyết định số 934 /QĐ-ĐHNT ngày 17 tháng 8 năm 2022
Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	59130906	Đàng Thị Xuân	Hương	23/03/1998	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	59.CBTS	2017-2021
2	59134083	Đoàn Thị Hồng	Thúy	02/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.CBTS	2017-2021
3	60130022	Nguyễn Thị Lan	Anh	10/07/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.CBTS	2018-2022
4	60130207	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	20/02/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.CBTS	2018-2022
5	60130277	Huỳnh Thị Thu	Hiền	28/02/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.CBTS	2018-2022
6	60135588	Nguyễn Võ	Hiếu	14/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.CBTS	2018-2022
7	60130326	Phạm Thị Mỹ	Hòa	06/07/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CBTS	2018-2022
8	60130358	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	19/08/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.CBTS	2018-2022
9	60135662	Nguyễn Thị Thu	Hồng	29/04/2000	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	60.CBTS	2018-2022
10	60135758	Nguyễn Ngọc	Huy	10/04/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CBTS	2018-2022
11	60135769	Phan Thanh	Huy	02/08/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.CBTS	2018-2022
12	60130411	Mã Thị Ngọc	Huyền	12/11/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	60.CBTS	2018-2022
13	60130419	Phan Thanh Ngọc	Huyền	30/04/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.CBTS	2018-2022
14	60130433	Dương Duy	Khang	09/09/2000	Cà Mau	Nam	Khá	60.CBTS	2018-2022
15	60131479	Lưu Thị Mỹ	Khuyên	10/07/2000	Cà Mau	Nữ	Khá	60.CBTS	2018-2022
16	60130491	Nguyễn Thị Bích	Liêm	15/07/2000	Bình Định	Nữ	Trung bình	60.CBTS	2018-2022
17	60135937	Huỳnh Yến	Linh	20/07/2000	Bình Định	Nữ	Trung bình	60.CBTS	2018-2022
18	60131487	Huỳnh Thị	Nam	29/03/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.CBTS	2018-2022
19	60130681	Hồ Thị Thanh	Nguyệt	04/04/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.CBTS	2018-2022
20	60130735	Nguyễn Thị Mỹ	Nhiên	28/04/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CBTS	2018-2022
21	60131509	Nguyễn Thị	Quyền	07/05/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CBTS	2018-2022
22	60136692	Nguyễn Thị Như	Quyền	23/12/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CBTS	2018-2022
23	60130870	Trần Trúc	Quỳnh	27/08/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.CBTS	2018-2022
24	60131520	Đinh Thị Thi	Thị	05/05/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.CBTS	2018-2022
25	60131035	Huỳnh Thị Kim	Thùy	17/08/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CBTS	2018-2022
26	60131975	Trần Thanh	Tiên	06/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.CBTS	2018-2022
27	60131058	Đỗ Thị Thanh	Tính	12/04/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.CBTS	2018-2022
28	60131109	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27/06/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CBTS	2018-2022
29	60137294	Vũ Thị Thanh	Trang	23/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CBTS	2018-2022
30	60131683	Ngô Thị Kim	Xuyên	17/06/2000	Phú Yên	Nữ	Giỏi	60.CBTS	2018-2022

Danh sách có 30 sinh viên

2. Công nghệ kỹ thuật hóa học

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57137056	Đặng Thành	Nhân	24/08/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNHH-1	2015-2019
2	59130744	Nguyễn Trần Xuân	Hiếu	16/04/1999	Bình Phước	Nam	Trung bình	59.CNHH	2017-2021
3	59131617	Phạm Thế	Nguyên	12/03/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNHH	2017-2021
4	59132776	Hồ Khánh	Trang	27/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.CNHH	2017-2021
5	60135158	Nguyễn Thị Bảo	Châu	31/08/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.CNHH	2018-2022
6	60135378	Nguyễn Thị Mộng	Duyên	20/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.CNHH	2018-2022
7	60135382	Nguyễn Thị Trúc	Duyên	15/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNHH	2018-2022
8	60136079	Trương Thị Kim	Ly	10/01/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	60.CNHH	2018-2022

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
9	60136128	Bùi Thị	Mơ	01/08/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNHH	2018-2022
10	60130930	Nguyễn Thanh	Thanh	11/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNHH	2018-2022
11	60131019	Bùi Thu	Thương	09/11/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNHH	2018-2022
12	60131227	Phạm Tô Triệu	Vân	21/04/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNHH	2018-2022
13	60131242	Võ Trần Tường	Vi	24/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.CNHH	2018-2022

Danh sách có 13 sinh viên

3. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56131204	Võ Cao Huyền	Trang	02/01/1996	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	56.CNTP-3	2014-2018
2	59132304	Nguyễn Đoàn Thu	Thảo	10/09/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.CNTP-2	2017-2021
3	60135142	Lê Trọng	Cao	24/12/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
4	60130076	Võ Kim	Chi	20/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
5	60135266	Lê Thị Hiền	Diệu	10/07/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
6	60135374	Nguyễn Hồng	Duyên	01/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
7	60132216	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	03/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
8	60130102	Đoàn Hữu	Đan	10/11/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
9	60135415	Nguyễn Thị Thu	Hà	27/10/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
10	60130238	Đỗ Thị Thu	Hàng	04/02/2000	Phú Yên	Nữ	Giỏi	60.CNTP-1	2018-2022
11	60135508	Ao Thị Mỹ	Hào	01/03/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
12	60131408	Phạm Thị Thu	Hiền	02/08/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
13	60131705	Nguyễn Thị	Hương	02/09/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
14	60135784	Lê Nguyễn Kim	Huyền	17/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.CNTP-1	2018-2022
15	60130431	Lê Thị Mỹ	Kham	27/02/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
16	60132090	Nguyễn Trần Diệu	Liên	23/03/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.CNTP-1	2018-2022
17	60130560	Phạm Ngô Thị Khánh	Ly	18/04/2000	Phú Yên	Nữ	Giỏi	60.CNTP-1	2018-2022
18	60136126	Vũ Quang	Minh	23/06/2000	Khánh Hòa	Nam	Xuất sắc	60.CNTP-1	2018-2022
19	60139097	Trương Thị Phụng	My	06/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
20	60131869	Lê Thị Bích	Ngân	10/12/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
21	60136259	Phạm Thị Quốc	Nghĩa	18/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
22	60136289	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	28/10/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
23	60130680	Trần Thị Kim	Nguyên	21/05/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
24	60131944	Nguyễn Trí	Nguyên	10/10/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
25	60130686	Võ Thị Bích	Nhã	04/04/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
26	60130709	Huỳnh Ngọc Uyển	Nhi	30/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
27	60136434	Hứa Minh Kiều	Nho	16/02/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
28	60132327	Nguyễn Thị Kiều	Như	10/06/2000	Quảng Trị	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
29	60130822	Huỳnh Thị Bích	Phượng	11/07/2000	Phú Yên	Nữ	Giỏi	60.CNTP-1	2018-2022
30	60131919	Nguyễn Thị Kiều	Quanh	28/09/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
31	60136656	Trần Hồng	Quy	28/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
32	60131512	Đoàn Thị	Sao	20/06/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
33	60136739	Nguyễn Thị Hồng	Sen	04/01/2000	Quảng Nam	Nữ	Giỏi	60.CNTP-1	2018-2022
34	60136764	Huỳnh Thị Tuyết	Sương	01/05/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
35	60130986	Nguyễn Thị Minh	Thông	22/08/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
36	60137021	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	09/03/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
37	60132335	Nguyễn Duy	Tình	18/06/2000	Quảng Nam	Nam	Trung bình	60.CNTP-1	2018-2022
38	60131224	Huỳnh Thị Mỹ	Vân	20/11/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.CNTP-1	2018-2022

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
39	60137534	Trần Thảo	Vân	10/09/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-1	2018-2022
40	60137568	Nguyễn Thế	Vinh	17/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNTP-1	2018-2022
41	60137638	Ung Thị Ái	Vy	20/08/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	60.CNTP-1	2018-2022
42	60135160	Phạm Thị Minh	Châu	06/11/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
43	60135190	Nguyễn Thiên	Của	09/06/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
44	60135390	Trần Thị Mỹ	Duyên	30/08/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
45	60132217	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	28/03/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
46	60135519	Nguyễn Thị Hoàng	Hào	10/11/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
47	60130281	Nguyễn Thụy Hải	Hiền	28/11/2000	Ninh Thuận	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
48	60135562	Võ Thị Mỹ	Hiệp	09/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
49	60130309	Trần Thị Tấn	Hiếu	10/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.CNTP-2	2018-2022
50	60132181	Nguyễn Thị Thu	Huệ	03/03/2000	Kon Tum	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
51	60135683	Lê Hữu	Hùng	17/06/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
52	60130410	Lê Thị Bảo	Huyền	14/06/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
53	60135901	Nguyễn Thị	Lan	10/12/2000	Đắk Nông	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
54	60131794	Sử Thị	Lanh	12/07/2000	Ninh Thuận	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
55	60130481	Hà Thị Huỳnh	Lê	07/03/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
56	60131641	Đào Thị Bích	Liên	07/12/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
57	60130499	Đỗ Thị Bích	Liễu	24/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
58	60131420	Triệu Thị Trúc	Linh	04/07/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
59	60135975	Trần Thị Thu	Linh	12/04/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
60	60136070	Lê Thị Khánh	Ly	26/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
61	60136110	Cao Thanh	Minh	18/06/2000	Đắk Lắk	Nam	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
62	60136236	Nguyễn Thị Thu	Ngân	15/12/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
63	60136241	Phạm Thị Kim	Ngân	15/11/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
64	60136305	Nguyễn Thị	Ngữ	02/11/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
65	60130683	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	16/04/2000	Phú Yên	Nữ	Giỏi	60.CNTP-2	2018-2022
66	60136367	Nguyễn Quang	Nhật	30/10/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
67	60136426	Trần Thị Quỳnh	Nhi	26/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
68	60136438	Võ Thị Kim	Nhon	08/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.CNTP-2	2018-2022
69	60136445	Lê Ngô Quỳnh	Như	27/12/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
70	60130756	Huỳnh Mạnh Hồng Ứt	Nữ	15/10/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.CNTP-2	2018-2022
71	60136540	Đặng Hoàng	Phú	31/10/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNTP-2	2018-2022
72	60139099	Lê Như	Quỳnh	12/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.CNTP-2	2018-2022
73	60130882	Ngô Thị	Sáu	20/11/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
74	60136868	Trần Băng	Thanh	14/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.CNTP-2	2018-2022
75	60130949	Nguyễn Thu	Thảo	08/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
76	60132274	Lê Thị	Thơm	19/10/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.CNTP-2	2018-2022
77	60137092	Trương Phan Mộng	Thúy	27/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
78	60137145	Trần Thị Mỹ	Tiền	16/04/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
79	60137189	Huỳnh Huyền	Trâm	05/07/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
80	60131202	Nguyễn Hạnh	Tuyền	02/11/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
81	60132356	Trần Thị Ái	Vân	10/08/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
82	60137551	Nguyễn Thị Tường	Vi	12/10/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
83	60131279	Phạm Thị Thu	Vy	20/06/2000	Đắk Lắk	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
84	60137622	Nguyễn Thị Thúy	Vy	27/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022
85	60137649	Dương Lê Thanh	Xuân	02/12/2000	Đắk Lắk	Nữ	Khá	60.CNTP-2	2018-2022

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
86	61133727	Lê	Hữu	06/04/2000	Phú Yên	Nam	Khá	61.CNTP-1	2019-2023
87	60130047	Trần Châu	Bảo	23/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.ATTP	2018-2022
88	60130157	Mạch Thị	Dung	17/07/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.ATTP	2018-2022
89	60135316	Võ Hoàng	Dung	21/02/2000	Đồng Nai	Nữ	Khá	60.ATTP	2018-2022
90	60130178	Tô Đơn	Dương	21/10/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.ATTP	2018-2022
91	60135520	Nguyễn Thị Hồng	Hào	22/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.ATTP	2018-2022
92	60135906	Trần Thị Thu	Lan	12/04/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.ATTP	2018-2022
93	60135967	Phạm Thùy	Linh	02/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.ATTP	2018-2022
94	60132324	Nguyễn Bạch Như	Ly	02/05/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	60.ATTP	2018-2022
95	60132022	Đoàn Trọng Xuân	Son	07/02/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.ATTP	2018-2022
96	60131118	Trần Thị Thu	Trang	24/06/2000	Nghệ An	Nữ	Khá	60.ATTP	2018-2022

Danh sách có 96 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2022
Theo Quyết định số 934 /QĐ-ĐHNT ngày 17 tháng 8 năm 2022
Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	59161394	Nguyễn Minh	Tiến	02/05/1999	Phú Thọ	Nam	Trung bình	59C.CNTP	2017-2020
2	60162294	Sử Ngọc	Hà	20/08/1998	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	60C.CNTP	2018-2021
3	60160281	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	02/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.CNTP	2018-2021

Danh sách có 03 sinh viên